

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
TỈNH Đ N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HSST
Ngày: 30/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- TỈNH Đ N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà: Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa.

Ông Nguyễn Xuân Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2025/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Huỳnh Kim T; sinh năm: 1986; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Thôn 6, xã Th H tỉnh Đ N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Cha: Huỳnh Kim T1, Sinh năm: 1965; Mẹ: Lê Thị Kim H, Sn: 1967, cùng ngụ tại thôn 6, xã Th H, huyện B Đ, Bình Phước (cũ) nay là thôn 6, xã Th H tỉnh Đ N; Bị can có 03 người em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993; Vợ: Vũ Thị H1, Sn: 1997 – đã ly hôn; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2024, đến ngày 28/11/2024 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay – có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Tôn Văn Ph; sinh năm: 1977; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: ấp A Th, xã An Ph Th, huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp (cũ) nay là xã Ph H, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Tôn Văn Ch, Sinh năm: 1949; ngụ tại: ấp A Th, xã A Ph Th, huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp (cũ) nay là xã Ph H, tỉnh Đồng Tháp; Mẹ: Trần Thị H2 – Đã chết; Bị can có 05 người em, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1991; Bị can có 01 người con sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Bị cáo có 02 (hai) tiền án.

- Ngày 14/02/2005 bị TAND huyện B M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 16/2005/HSST.

- Ngày 18/5/2005 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 34/2005/HSST.

- Ngày 26/7/2005 bị TAND tỉnh Đồng Tháp xử phúc thẩm, tuyên phạt Tôn Văn Ph 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 75/HSPT ngày 26/7/2005, tổng hợp mức hình phạt 1 năm 6 tháng tù của Bản án số 16/2005/HSST ngày 14/02/2005 của TAND huyện B M, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 5 năm 6 tháng tù. Bị can chấp hành xong án phạt tù ngày 15/6/2009, nhưng chưa chấp hành xong nghĩa vụ dân sự của bản án.

Về nhân thân:

- Năm 1997 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 88/HSST ngày 20/7/1997;

- Ngày 24/01/2000 bị Công an tỉnh Vĩnh Long xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi “Chộm chó”;

- Ngày 23/5/2000 bị UBND xã An Ph Th xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Dùng mã tấu đe dọa người khác”;

- Năm 2000 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 33/HSST ngày 23/11/2000;

Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2024, đến ngày 28/11/2024 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay – có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1971, nơi cư trú: Ấp Tr Ph, xã Trường Tây, thị xã H Th, tỉnh Tây Ninh (cũ) nay là Ấp Tr Ph, phường L H, tỉnh Tây Ninh – có mặt

- Anh Hoàng Văn B, sinh năm 2005, nơi cư trú: Ấp Ph T, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Ấp Ph T, xã H Ph, tỉnh Đ N- vắng mặt

- Bà Nguyễn Văn H3, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn 5, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là thôn 5, xã Th H, tỉnh Đ N – vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn 3, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là thôn 3, xã Th H tỉnh Đ N- vắng mặt

** Người chứng kiến:* Ông Chử Văn Ch, sinh năm 1982, nơi cư trú: xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Ấp Ph T, xã H Ph, tỉnh Đ N – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Kim T là bảo vệ cao su thuộc Nông trường V - Công ty Cao su L N đóng trên địa bàn huyện B Đ. Khoảng 17 giờ ngày 25/11/2024, khi đang trực bảo vệ cao su tại khu vực ấp 3 xã H Ph, huyện B Đ, T điện thoại cho Tôn Văn Ph nói đi mua 200.000 đồng tiền ma túy về cùng nhau sử dụng, Ph đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 93G1-19727 đến khu vực bãi đất trống phía sau bến xe B Đ mua 200.000 ngàn đồng tiền ma túy của một thanh niên (không rõ lai lịch) mang đến đưa cho T. Tại đây T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn từ trước và trực tiếp đổ ma túy vào rồi cùng Ph thay nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi Ph và T đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an huyện B Đ phối hợp với Công an xã H Ph tuần tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 bật lửa màu trắng xanh, 01 kim màu đỏ, 01 võng vải màu xanh, 02 điện thoại di động (ĐTDD) và 02 xe mô tô các loại.

Tại Bản kết luận giám định số: 1312/KL-KTHS ngày 27/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Chất màu trắng ngả vàng (ký hiệu N) có trong ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1262.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Kim T và Tôn Văn Ph phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Kim T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

+ Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Tôn Văn Ph từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác như cáo trạng đã công bố.

Bị cáo không tham gia tranh luận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện tỉnh Bình Phước, Điều tra viên tỉnh Bình Phước (cũ) nay là tỉnh Đ N; Viện Kiểm sát nhân dân

huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 25/11/2025, Huỳnh Kim T điện thoại rủ Tôn Văn Ph đi mua ma túy về sử dụng. Sau đó Tôn Văn Ph đi mua 200.000 đồng tiền ma túy của đối tượng không rõ lai lịch mang đến lô cao su thuộc ấp 3 xã H Ph đưa cho Huỳnh Kim T. T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn từ trước, đồng thời trực tiếp đổ ma túy vào bộ dụng cụ để cùng Ph thay nhau sử dụng thì bị bắt quả tang.

Cáo trạng số: 50/CTr-VKS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của VKSND huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Kim T và Tôn Văn Ph là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo là rất cao. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể công việc; Tuy nhiên bị cáo T là người rủ rê Ph đi mua ma túy về và cùng nhau sử dụng chung và Ph đã đồng ý và là người trực tiếp đi mua ma túy, Sau khi Ph đi mua ma túy về thì cả hai cùng sử dụng chung. Xét về vai trò bị cáo T và Ph vai trò ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng; Giảm nhẹ:

+ Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Tôn Văn Ph có 02 tiền án cụ thể:

- Ngày 14/02/2005 bị TAND huyện B M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 16/2005/HSST.

- Ngày 18/5/2005 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 34/2005/HSST.

- Ngày 26/7/2005 bị TAND tỉnh Đồng Tháp xử phúc thẩm, tuyên phạt Tôn Văn Ph 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 75/HSPT ngày 26/7/2005, tổng hợp mức hình phạt 1 năm 6 tháng tù của Bản án số 16/2005/HSST ngày 14/02/2005

của TAND huyện B M, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 5 năm 6 tháng tù. Bị can chấp hành xong án phạt tù ngày 15/6/2009, nhưng chưa chấp hành xong nghĩa vụ dân sự của bản án.

Về nhân thân:

- Năm 1997 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 88/HSST ngày 20/7/1997;

- Ngày 24/01/2000 bị Công an tỉnh Vĩnh Long xử phạt hành chính 150.000 đồng về hành vi “Chộm chó”;

- Ngày 23/5/2000 bị UBND xã A Ph Th xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Dùng mã tấu đe dọa người khác”;

- Năm 2000 bị TAND huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 33/HSST ngày 23/11/2000;

Bị cáo Ph chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên Ph phạm tội thuộc trường hợp định khung được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Huỳnh Kim T phạm tội lần đầu nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. HĐXX cần xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số lượng ma túy thu được bên trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy, sau khi giám định còn lại 0,0714 gam và 01 (một) cái bật lửa màu trắng xanh; 01 (một) kim cắt chỉ màu đỏ; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cái võng bằng vải. Đề nghị tịch thu tiêu hủy là có căn cứ;

- Đối với xe mô tô hiệu RIVER màu xanh, biển số 70B1 – 876.26 và xe mô tô hiệu HONDA loại Wave RSX màu đỏ đen, biển số 93G1 – 19727: Cơ quan điều tra xác định 02 xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của Hoàng Văn B và Nguyễn Văn H3 cho bị cáo mượn làm Ph tiện đi lại, không liên quan đến vụ án vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[6]. Các vấn đề khác:

- Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị can Ph, do không rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm vì vậy không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối Hoàng Văn B cho bị can Huỳnh Kim T mượn xe mô tô và Nguyễn Văn H3 cho chị Nguyễn Văn H3 mượn xe mô tô, sau đó chị L cho Tôn Văn Ph mượn lại xe làm Ph tiện đi lại, Cơ quan điều tra xác định anh B, anh H3 và chị L không biết các đối tượng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng ma túy nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo Huỳnh Kim T và Tôn Văn Ph phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Huỳnh Kim T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/11/2024).

Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 50; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Tôn Văn Ph 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/11/2024).

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 0,0714 gam còn lại sau giám định được niêm phong trong hộp giấy (phong bì); 01 (một) cái bật lửa màu trắng xanh; 01 (một) kim cắt chỉ màu đỏ; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cái võng bằng vải.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Vi Vo màu xanh đậm của bị cáo Huỳnh Kim T

01 điện thoại di động hiệu oppo màu tím của bị cáo Tôn Văn Ph

(Số vật chứng trên đã được giao nhận cho Chi cục thi hành án dân sự dân sự huyện B Đ(cũ) nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13, tỉnh Đ N theo các biên bản giao nhận vật chứng số 0008006 ngày 19/6/2025).

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Huỳnh Kim T và Tôn Văn Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ N;
- VKSND khu vực 13-Đ N;
- Phân trại tạm giam khu vực B Đ,
Công an tỉnh Đ N;
- Phòng THADS khu vực 13- Đ N;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức